

THÔNG BÁO

Kết quả quan trắc và cảnh báo môi trường nước phục vụ cho nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh Cà Mau đợt 5 năm 2026

Nhằm cung cấp thông tin kịp thời về chất lượng nước đến người nuôi trồng thủy sản để chủ động trong sản xuất, Chi cục Thủy sản Cà Mau đã tiến hành lấy mẫu quan trắc chất lượng nước tại các tuyến sông phục vụ nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh đợt 5 năm 2026 (ngày 02/10 và 03/10/2026). Cụ thể như sau:

I. QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG NƯỚC CẤP (CÁC ĐIỂM SÔNG ĐÀU NGUỒN)

1. Vị trí quan trắc

Quan trắc môi trường nước cấp (ngày 02/10/2026) tại 39 điểm đầu nguồn thuộc các xã/phường trên địa bàn tỉnh Cà Mau. Vị trí quan trắc bao gồm: sông Tắc Vân – phường Tân Thành, sông Hòa Tân – phường Hòa Thành, sông Gành Hào – xã Tân Thuận, sông Bà Bèo – xã Đầm Dơi, sông Đầm Dơi – xã Đầm Dơi, sông Bảy Háp – xã Cái Nước, sông Rạch Rập – xã Lương Thế Trân, sông Cái Nước – xã Cái Nước, sông Vàm Xáng – xã Phú Mỹ, sông Cái Bát – xã Nguyễn Việt Khái, sông Gò Công – xã Cái Đoi Vàm, sông Cửa Lớn – xã Đất Mới, sông Cái Ngay – xã Năm Căn, sông Cửa Lớn – xã Năm Căn, sông Nhung Miên – xã Phan Ngọc Hiển, sông Rạch Tàu – xã Đất Mũi, sông Rạch Góc – xã Phan Ngọc Hiển, sông Vàm Cái Tàu – xã Khánh An, sông Cái Tàu – xã Nguyễn Phích, sông Tắc Thủ – xã Hồ Thị Kỷ, sông Trẹm – xã Biên Bạch, sông Chắc Băng – xã Thới Bình, sông Bà Kẹo – xã Sông Đốc, sông Ông Đốc – xã Trần Văn Thời, sông Ông Đốc – xã Sông Đốc, sông Công Điền – phường Vĩnh Trạch, kênh 30/4 – phường Bạc Liêu, kênh Càn Thẳng – phường Hiệp Thành, kênh xáng Bạc Liêu – xã Hưng Hội, sông Bạc Liêu – Cà Mau – xã Hòa Bình, kênh 12 – xã Vĩnh Hậu, kênh Chùa Phật – xã Vĩnh Hậu, kênh Cái Cùng – xã Đông Hải – Vĩnh Hậu, kênh 04 – xã Đông Hải, kênh Huyện Kê – xã Long Điền, sông Gành Hào – xã Gành Hào, kênh Hộ Phòng – Chủ Chí – phường Giá Rai, kênh Phó Sinh – xã Vĩnh Phước, kênh Phụng Hiệp (ngã tư Ninh Quới) – xã Ninh Quới.

2. Kết quả quan trắc chất lượng nước: (Kèm theo phụ lục 1).

3. Đánh giá chất lượng nước

TT	Điểm quan trắc	AWQI	Chất lượng nước	Thông số bất lợi	Khuyến cáo
1	Sông Tắc Vân	74	Tốt		Nguồn nước tại các điểm

TT	Điểm quan trắc	AWQI	Chất lượng nước	Thông số bất lợi	Khuyến cáo
2	Sông Hòa Tân	81	Tốt		quan trắc có mức độ phù hợp khác nhau đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản. Người nuôi cần theo dõi thường xuyên các yếu tố môi trường, đặc biệt là độ mặn, chất rắn lơ lửng, các thông số chỉ thị ô nhiễm dinh dưỡng nitrit, amoni, photphat, và mật độ vi khuẩn Vibrio, Coliform. Trước khi cấp nước vào ao nuôi, cần kiểm tra chất lượng và áp dụng biện pháp xử lý phù hợp; thực hiện lắng lọc đối với nguồn nước có chất rắn lơ lửng cao, xử lý và diệt khuẩn khi các chỉ tiêu vi sinh không bảo đảm. Hạn chế lấy nước khi độ mặn thấp hoặc biến động bất lợi; tăng cường theo dõi sức khỏe thủy sản và diễn biến môi trường trong quá trình nuôi. Đối với các khu vực có nguồn nước được cảnh báo rủi ro cao, cần chủ động khắc phục, xử lý nguồn nước, tăng cường giám sát và chỉ cấp nước khi chất lượng đạt yêu cầu, đồng thời chú ý bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm đối với sản phẩm thủy sản.
3	Sông Gành Hào	53	Trung bình	TSS	
4	Sông Bà Bèo	47	Trung bình	TSS	
5	Sông Đàm Dơi	51	Trung bình	TSS	
6	Sông Bảy Háp	85	Tốt		
7	Sông Rạch Rập	79	Tốt	P-PO ₄ ³⁻	
8	Sông Cái Nước	86	Rất tốt		
9	Sông Vàm Xáng	86	Rất tốt		
10	Sông Cái Bát	86	Rất tốt		
11	Sông Gò Công	92	Rất tốt		
12	Sông Cửa Lớn	53	Trung bình	TSS	
13	Sông Cái Ngay	53	Trung bình	TSS	
14	Sông Cửa Lớn	53	Trung bình	TSS	
15	Sông Nhung Miên	53	Trung bình	TSS	
16	Sông Rạch Tàu	53	Trung bình	TSS, Coliform	
17	Sông Rạch Gốc	53	Trung bình	TSS	
18	Sông Vàm Cái Tàu	35	Kém	Độ mặn, độ kiềm, Coliform	
19	Sông Cái Tàu	24	Rất kém	Độ mặn	
20	Sông Tắc Thủ	27	Kém	Độ mặn, độ kiềm	
21	Sông Trẹm	46	Trung bình	Độ mặn, độ kiềm, Vibrio, Coliform	
22	Sông Chác Bàng	60	Trung bình	Độ mặn, độ kiềm, Vibrio, Coliform	
23	Sông Bà Kẹo	50	Trung bình	Độ mặn, Vibrio, Coliform	
24	Sông Ông Đốc	82	Tốt	Độ mặn, độ kiềm, Vibrio	

TT	Điểm quan trắc	AWQI	Chất lượng nước	Thông số bất lợi	Khuyến cáo
25	Sông Ông Đốc	36	Kém	Độ mặn, độ kiềm, Vibrio,	
26	Sông Công Điền	40	Kém	P-PO ₄ ³⁻ , độ mặn, Vibrio	
27	Kênh 30/4	74	Tốt	TSS, độ mặn	
28	Kênh Cần Thắng	36	Kém	N-NO ₂ ⁻ , P-PO ₄ ³⁻	
29	Kênh xáng Bạc Liêu	47	Trung bình	P-PO ₄ ³⁻ , độ mặn	
30	Sông Bạc Liêu – Cà Mau	33	Kém	TSS, độ mặn, Vibrio	
31	Kênh 12	54	Trung bình		
32	Kênh Chùa Phật	83	Tốt	TSS	
33	Kênh Cái Cùng	34	Kém	N-NH ₄ ⁺ , P-PO ₄ ³⁻	
34	Kênh 04	53	Trung bình	TSS, P-PO ₄ ³⁻	
35	Kênh Huyện Kệ	29	Kém	TSS, P-PO ₄ ³⁻	
36	Sông Gành Hào	47	Trung bình	TSS, N-NH ₄ ⁺ , P-PO ₄ ³⁻	
37	Kênh Hộ Phòng – Chủ Chí	61	Trung bình	Độ mặn, Coliform	
38	Kênh Phó Sinh	35	Kém	P-PO ₄ ³⁻ , độ mặn	
39	Kênh Phụng Hiệp (ngã tư Ninh Quới)	31	Kém	Độ mặn, độ kiềm, Coliform	

Ghi chú: Chỉ số AWQI được đánh giá theo Quyết định 428/QĐ-TS-NTTS của Cục Thủy sản ký ngày 06/12/2023 về việc phê duyệt Sổ tay hướng dẫn tính toán chỉ số chất lượng nước cho vùng nuôi trồng thủy sản nước ngọt, nước lợ và nước mặn.

II. QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG NƯỚC NUÔI CÁ RÔ PHI, TÔM CÀNG XANH...

1. Vị trí quan trắc

Quan trắc môi trường nước nuôi cá rô phi và tôm càng xanh... (ngày 03/10/2026) tại 15 vùng nuôi trọng điểm. Vị trí quan trắc bao gồm: Sông An Xuyên – phường An Xuyên, Sông Cái Rắn – xã Lương Thế Trân, Sông Bạch Ngưu – xã Trí Phải, Sông Chắt Bàng – xã Trí Phải, Sông Cái Tàu – xã Nguyễn Phích, Kênh Hội – xã Khánh Lâm, Kênh Hội – xã Khánh Lâm, Kênh 8000 – xã Biển Bạch, Kênh Vĩnh Phong – xã Vĩnh Phước, Kênh Cộng Hòa – xã Phước Long, Kênh Lộ Xe – xã Vĩnh

Lộc, Kênh Hoàn Tầu – xã Hòa Bình, Kênh Giồng Me – phường Bạc Liêu, Kênh Xã Toàn – xã Ninh Thạnh Lợi, Kênh 7 – xã Vĩnh Hậu.

2. Kết quả quan trắc chất lượng nước: (Kèm theo phụ lục 2).

3. Đánh giá chất lượng nước

TT	Điểm quan trắc	Thông số bất lợi	Khuyến cáo
1	Sông An Xuyên		Người nuôi cần theo dõi chất lượng nguồn nước trước khi lấy vào ao nuôi, đặc biệt là các chỉ tiêu ôxy hòa tan, độ mặn, amoni, photphat và chất rắn lơ lửng. Hạn chế lấy nước trực tiếp khi các chỉ tiêu chưa bảo đảm yêu cầu; chủ động lắng, lọc, xử lý nước trước khi sử dụng. Đồng thời, theo dõi diễn biến môi trường ao nuôi, điều chỉnh độ mặn phù hợp và kiểm soát chất dinh dưỡng nhằm hạn chế nguy cơ phát sinh khí độc, tảo phát triển bất thường, bảo đảm an toàn cho thủy sản nuôi.
2	Sông Cái Rắn	Độ mặn, P- PO_4^{3-}	
3	Sông Bạch Ngưu		
4	Sông Chác Bông		
5	Sông Cái Tàu		
6	Kênh Hội		
7	Kênh Hội	Độ kiềm	
8	Kênh 8000		
9	Kênh Vĩnh Phong	N- NO_2^-	
10	Kênh Cộng Hòa	N- NO_2^-	
11	Kênh Lộ Xe		
12	Kênh Hoàn Tầu	Độ mặn, N- NH_4^+ , P- PO_4^{3-}	
13	Kênh Giồng Me	TSS	
14	Kênh Xã Toàn	N- NH_4^+	
15	Kênh 7	Độ mặn, TSS	

III. KHUYẾN CÁO

Kết quả quan trắc đợt 5 đối với môi trường nguồn nước cấp tại các điểm sông đầu nguồn cho thấy có 11/39 điểm quan trắc có chất lượng nước kém đến rất kém. Chất lượng nước suy giảm chủ yếu do hàm lượng N- NO_2^- , N- NH_4^+ , P- PO_4^{3-} , TSS và mật độ Vibrio cao; tại một số điểm có độ kiềm thấp. Các yếu tố bất lợi này có thể làm gia tăng nguy cơ ảnh hưởng đến sức khỏe và tăng trưởng của thủy sản nuôi. Bên cạnh đó, nhiều khu vực ghi nhận độ mặn thấp hoặc ngọt hóa, không thuận lợi cho việc lấy nước phục vụ nuôi thủy sản nước lợ. Không phát hiện các thông số kim loại nặng và thuốc bảo vệ thực vật trong các mẫu nước đầu nguồn. Ngoài ra, một số điểm có Coliform cao, cần chú ý kiểm soát chất lượng nước và an toàn vệ sinh thực phẩm, đặc biệt trong quá trình thu hoạch, bảo quản và vận chuyển thủy sản.

Đối với môi trường nước nuôi cá rô phi và tôm càng xanh... một số điểm ghi nhận thông số bất lợi như: hàm lượng N-NO_2^- , N-NH_4^+ , P-PO_4^{3-} và TSS cao; độ kiềm tại một số điểm có giá trị thấp; độ mặn tại sông Cái Rắn, Kênh Hoàn Tàu, Kênh 7 có độ mặn cao, không phù hợp cho cá rô phi, tôm càng xanh... phát triển.

Theo Trung tâm Dự báo khí tượng thủy văn quốc gia, thời tiết Cà Mau từ ngày 20/10 đến 28/10/2026 trời có nhiều mây, có mưa rào và dông, nhiệt độ thấp nhất từ 24 – 26 °C, nhiệt độ thấp nhất từ 29 – 33 °C; bên cạnh đó, dự báo ven biển Nam Bộ đang trong giai đoạn triều trung bình, có xu hướng tăng đến cuối thời kì, từ ngày 25/10 thủy triều ở mức cao.

Để hạn chế ảnh hưởng của thời tiết, triều cường bất lợi đến hoạt động nuôi trồng thủy sản, Chi cục Thủy sản khuyến cáo các cơ sở, hộ nuôi chủ động thực hiện các biện pháp sau:

- Chủ động kiểm tra, gia cố bờ bao, bờ vuông, cống cấp – thoát nước và các vị trí xung yếu trước khi xảy ra mưa lớn; khơi thông hệ thống tiêu thoát nước, xử lý các vị trí có nguy cơ sạt lở, rò rỉ hoặc tràn bờ. Sau mưa lớn, cần kiểm tra và kịp thời khắc phục các vị trí công trình bị hư hỏng.

- Các cơ sở nuôi không lấy nước trực tiếp từ các khu vực có chất lượng nước kém, chất lượng thấp; nước cấp cần được lắng, xử lý và diệt khuẩn trước khi đưa vào ao nuôi.

- Tăng cường theo dõi, kiểm tra các chỉ tiêu môi trường nước trong ao nuôi (DO , độ mặn, N-NH_4^+ , N-NO_2^- , P-PO_4^{3-} và TSS), đặc biệt sau các đợt mưa; duy trì mực nước phù hợp, gia cố bờ bao, cống và chủ động các biện pháp quản lý nhằm hạn chế thiệt hại do thời tiết bất lợi gây ra.

- Tại các khu vực nuôi trồng thủy sản có độ mặn chưa phù hợp (độ mặn thấp hoặc cao so với giới hạn thích nghi cho từng đối tượng thủy sản nuôi nước lợ, ngọt phát triển), cần kiểm tra độ mặn trước khi cấp nước; chỉ lấy nước khi đạt yêu cầu đối với đối tượng nuôi và tránh cấp nước ngay sau các trận mưa lớn.

- Bên cạnh đó, thường xuyên kiểm tra pH ao/vuông nuôi và duy trì pH trong khoảng 7,5 – 8,5; chênh lệch giữa sáng và chiều không quá 0,5 đơn vị.

- Trong những ngày có mưa, theo dõi hoạt động của thủy sản và các yếu tố môi trường; chủ động vận hành quạt nước, sục khí phù hợp để hạn chế phân tầng nước, tháo bớt lớp nước mặt, điều chỉnh mực nước phù hợp; không cấp nước khi nguồn nước bên ngoài chưa đảm bảo. Trong thời gian mưa, giảm hoặc tạm ngưng cho ăn tôm ăn. Căn cứ điều kiện môi trường và đối tượng nuôi, sử dụng vôi nông nghiệp, Dolomite hoặc chế phẩm xử lý môi trường phù hợp; sau mưa có thể bổ sung chế phẩm vi sinh để hỗ trợ ổn định môi trường, hạn chế khí độc.

- Thường xuyên kiểm tra các yếu tố thủy lý, thủy hóa trong ao/vuông nuôi; theo dõi sức khỏe và hoạt động của tôm nuôi. Thực hiện quản lý thức ăn hợp lý; định kỳ vệ sinh đáy ao, loại bỏ bùn thải và chất hữu cơ tích tụ; duy trì môi trường nuôi ổn định nhằm hạn chế nguy cơ phát sinh dịch bệnh.

- Định kỳ bổ sung men tiêu hóa, vi lượng, khoáng chất, vitamin,... đặc biệt là

vitamin C vào khẩu phần ăn hằng ngày để tăng sức đề kháng cho tôm nuôi.

- Thường xuyên cập nhật các bản tin dự báo thời tiết, cảnh báo thiên tai, bản tin quan trắc môi trường nước và các thông báo, khuyến cáo của cơ quan chuyên môn để chủ động nắm bắt thông tin và có biện pháp ứng phó kịp thời khi cần thiết.

Trên đây là thông báo, khuyến cáo của Chi cục Thủy sản đến người nuôi trồng thủy sản để chủ động trong sản xuất, nhằm hạn chế thiệt hại trên thủy sản nuôi./.

Nơi nhận:

- Sở Nông nghiệp và Môi trường (b/c);
- Trung tâm Khuyến nông (p/h);
- Phòng Kinh tế các xã (p/h);
- Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị các phường (p/h);
- Ban biên tập Website Sở;
- Lưu: VT, NTTS(Giang) 

CHI CỤC TRƯỞNG



Đỗ Chí Sĩ



Phụ lục 1

KẾT QUẢ QUAN TRẮC CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG NƯỚC CẤP (CÁC ĐIỂM SÔNG ĐÀU NGUỒN) PHỤC VỤ CHO NUÔI TRỒNG THỦY SẢN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH CÀ MAU (NGÀY 02/10/2026)

(Kèm theo Thông báo số 77 /TB-CCCTS ngày 20 /10/2026 của Chi cục Thủy sản)

Bảng 1. Kết quả quan trắc các thông số hóa, lý và vi sinh tại các điểm quan trắc nước cấp (các điểm sông đầu nguồn)

STT	Điểm quan trắc	Xã/ phường	Nhiệt độ (°C)	pH	DO (mg/L)	Độ mặn (‰)	Độ kiềm (mg/L)	N-NO ₂ ⁻ (mg/L)	N-NH ₄ ⁺ (mg/L)	P-PO ₄ ⁻ (mg/L)	N-NO ₃ ⁻ (mg/L)	TSS (mg/L)	COD (mg/L)	Vibrio (CFU/mL)	Coliform (MPN/100mL)
1	Sông Tắc Vân	Phường Tân Thành	30	7,5	3,5	6	85,1	0,090	0,970	0,140	0,084	100,0	7,4	210	36
2	Sông Hòa Tân	Phường Hòa Thành	29	7	4	7	88,1	0,087	0,998	0,145	0,107	82,7	7,8	110	74
3	Sông Gành Hào	Xã Tân Thuận	29	8	4	20	112,9	0,086	0,293	0,065	0,286	256,0	6,1	180	92
4	Sông Bà Bèo	Xã Đầm Dơi	30	7,5	3,5	7	112,9	0,092	0,270	0,065	0,285	261,3	6,7	210	110
5	Sông Đầm Dơi	Xã Đầm Dơi	29	7,5	4	8	110,9	0,086	0,266	0,075	0,317	210,0	6,9	110	150
6	Sông Bảy Háp	Xã Cái Nước	27	7,5	3,5	18	102,0	0,138	0,243	0,076	0,174	59,3	5,5	80	74
7	Sông Rạch Rập	Xã Lương Thế Trân	27	7,4	3,5	10	83,2	0,049	0,820	0,221	0,095	8,7	5,8	20	92
8	Sông Cái Nước	Xã Cái Nước	27	7,2	3,5	12	114,9	0,023	0,105	0,080	0,191	50,0	4,4	240	210
9	Sông Vàm Xáng	Xã Phú Mỹ	28	7,5	3,5	14	113,9	0,025	0,137	0,082	0,169	44,7	4,2	630	280
10	Sông Cái Bát	Xã Nguyễn Việt Khái	28	7,5	3,5	16	100,0	0,032	0,191	0,060	0,235	49,3	4,5	480	210
11	Sông Gò Công	Xã Cái Đôi vàm	28	7,4	4	18	99,0	0,123	0,336	0,078	0,165	60,0	4,9	440	150
12	Sông Cửa Lớn	Xã Đất Mới	27	7,6	4	22	97,0	0,016	0,136	0,020	0,243	520,0	7,4	410	750
13	Sông Cái Ngay	Xã Năm Căn	27	7,8	4	22	95,0	0,018	0,149	0,018	0,247	405,0	6,9	20	92

STT	Điểm quan trắc	Xã/ phường	Nhiệt độ (°C)	pH	DO (mg/L)	Độ mặn (‰)	Độ kiềm (mg/L)	N-NO ₂ ⁻ (mg/L)	N-NH ₄ ⁺ (mg/L)	P-PO ₄ ⁻ (mg/L)	N-NO ₃ ⁻ (mg/L)	TSS (mg/L)	COD (mg/L)	Vibrio (CFU/mL)	Coliform (MPN/100mL)
14	Sông Cửa Lớn	Xã Năm Căn	27	7,8	4	24	95,0	0,019	0,140	0,022	0,243	373,0	7,7	320	210
15	Sông Nhung Miên	Xã Phan Ngọc Hiền	28	8,3	4	24	109,9	0,005	0,104	0,028	0,048	222,0	7,2	280	230
16	Sông Rạch Tàu	Xã Đất Mũi	28	8	4	24	114,9	0,004	0,080	0,025	0,047	220,0	5,8	390	1500
17	Sông Rạch Gốc	Xã Phan Ngọc Hiền	28	8,4	4	24	112,9	0,003	0,082	0,026	0,038	206,7	4,7	520	92
18	Sông Vàm Cái Tàu	Xã Khánh An	28	7,2	3,5	1	29,7	0,014	0,584	0,017	0,028	34,7	14,1	260	2400
19	Sông Cái Tàu	Xã Nguyễn Phích	29	7,1	3	1	-	0,010	0,948	KPH	0,022	20,7	3,8	<1	KPH
20	Sông Tắc Thủ	Xã Hồ Thị Kỷ	29	6,9	3	2	31,7	0,008	0,579	0,018	0,031	25,3	17,7	180	750
21	Sông Trẹm	Xã Biển Bạch	28	7	3	2	63,4	0,036	0,677	0,054	0,077	10,7	9,6	1.100	2900
22	Sông Chác Bàng	Xã Thới Bình	29	6,8	3,5	1	74,3	0,073	0,725	0,067	0,070	32,7	8,6	1.100	2100
23	Sông Bà Kẹo	Xã Sông Đốc	30	7,5	3	5	89,1	0,026	0,812	0,082	0,068	43,3	4,7	1.500	4600
24	Sông Ông Đốc	Xã Trần Văn Thời	30	8	4	5	65,3	0,043	0,646	0,053	0,080	40,7	6,9	40	930
25	Sông Ông Đốc	Xã Sông Đốc	30	8	3	10	87,1	0,029	0,844	0,080	0,059	47,3	4,1	2.900	200,0
26	Sông Công Điền	Phường Vĩnh Trạch	29,5	7,4	3,5	1,5	124,8	0,058	0,945	0,857	0,104	40,0	7,8	1.200	930
27	Kênh 30/4	Phường Bạc Liêu	31	7,5	4	4	107,9	0,037	1,099	0,093	0,050	107,3	9,7	480	930
28	Kênh Cản Thăng	Phường Hiệp Thành	30	7	3	11	110,9	3,180	0,832	0,464	0,350	40,7	16,2	520	KPH

STT	Điểm quan trắc	Xã/ phường	Nhiệt độ (°C)	pH	DO (mg/L)	Độ mặn (‰)	Độ kiềm (mg/L)	N-NO ₂ ⁻ (mg/L)	N-NH ₄ ⁺ (mg/L)	P-PO ₄ ⁻ (mg/L)	N-NO ₃ ⁻ (mg/L)	TSS (mg/L)	COD (mg/L)	Vibrio (CFU/mL)	Coliform (MPN/100mL)
29	Kênh Xáng Bạc Liêu	Xã Hưng Hội	29	7,5	3	3,5	133,7	0,068	0,824	0,271	0,054	51,3	7,7	220	930
30	Sông Bạc Liêu – Cà Mau	Xã Hòa Bình	29	7,4	2,5	2,5	101,0	0,031	0,958	0,048	0,081	188,0	11,6	1.900	930
31	Kênh 12	Xã Vĩnh Hậu	30	7,5	3	9	130,7	0,150	0,974	0,137	0,078	80,0	7,7	310	92
32	Kênh Chùa Phật	Xã Vĩnh Hậu	30	8	4	13	112,9	0,168	0,920	0,126	0,070	121,3	9,1	410	750
33	Kênh Cái Cù	Xã Đông Hải – Vĩnh Hậu	29	7,5	3	11	143,6	0,144	1,866	0,234	0,067	100,0	9,3	300	92
34	Kênh 04	Xã Đông Hải	31	7	3,5	10	128,7	0,235	1,553	0,171	0,122	184,7	9,7	390	430
35	Kênh Huyện Kệ	Xã Long Điền	29	7	3	11	122,8	0,334	1,212	0,168	0,083	224,0	8,6	210	74
36	Sông Gành Hào	Xã Gành Hào	29	8	3,5	12	127,7	0,420	1,703	0,185	0,106	126,7	9,6	10	430
37	Kênh Hộ Phòng – Chủ Chí	Phường Giá Rai	29,5	7,3	3,5	2	85,1	0,023	1,273	0,109	0,045	20,0	8,5	540	4600
38	Kênh Phó Sinh	Xã Vĩnh Phước	29,5	7,1	3	1	97,0	0,023	1,539	0,155	0,035	14,0	8,5	310	750
39	Kênh Phụng Hiệp (ngã tư Ninh Quới)	Xã Ninh Quới	29,5	6,7	3	0	53,5	0,024	0,642	0,096	0,067	15,3	8,8	120	4600

Bảng 2. Kết quả quan trắc các thông số kim loại nặng và thuốc bảo vệ thực vật tại các điểm quan trắc nước cấp (các điểm sông đầu nguồn)

[illegible]

[illegible]

[illegible]

Phụ lục 2
KẾT QUẢ QUAN TRẮC CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG NƯỚC VÙNG NUÔI CÁ RÔ PHI,
TÔM CÀNG XANH... (NGÀY 03/10/2026)

(Kèm theo Thông báo số 77 /TB-CCCTS ngày 20 /10/2026 của Chi cục Thủy sản)



Bảng 3. Kết quả quan trắc các thông số hóa, lý và vi sinh tại các điểm quan trắc vùng nuôi cá rô phi, tôm càng xanh...

STT	Điểm quan trắc	Xã/ phường	Nhiệt độ (°C)	pH	DO (mg/L)	Độ mặn (‰)	Độ kiềm (mg/L)	N-NO ₂ ⁻ (mg/L)	N-NH ₄ ⁺ (mg/L)	P-PO ₄ ⁻ (mg/L)	N-NO ₃ ⁻ (mg/L)	TSS (mg/L)	COD (mg/L)	H ₂ S (mg/L)
1	Sông An Xuyên	Phường An Xuyên	28	7	3,5	5	87,1	0,177	0,931	0,159	0,080	85,3	7,2	KPH
2	Sông Cái Rắn	Xã Lương Thế Trân	27	7,5	3,5	10	86,1	0,047	0,821	0,232	0,076	3,5	5,3	KPH
3	Sông Bạch Ngưu	Xã Trí Phải	29	6,7	3	1	78,2	0,147	0,701	0,074	0,077	23,3	6,3	KPH
4	Sông Chác Bàng	Xã Trí Phải	28	6,7	3,5	1	75,2	0,156	0,704	0,077	0,075	32,0	6,7	KPH
5	Sông Cái Tàu	Xã Nguyễn Phích	29	6,8	3	3	-	0,009	0,968	KPH	0,027	24,0	4,2	KPH
6	Kênh Hội	Xã Khánh Bình	30	7,5	4	0	47,5	0,008	0,366	0,026	0,028	24,0	5,6	KPH
7	Kênh Hội	Xã Khánh Lâm	29	6,6	3	2	26,7	0,009	0,604	0,017	0,035	24,0	15,4	KPH
8	Kênh 8000	Xã Biển Bạch	29	6,7	3,5	1	57,4	0,111	0,800	0,055	0,087	52,7	7,4	KPH
9	Kênh Vĩnh Phong	Xã Vĩnh Phước	29	7,2	2,5	0	82,2	0,705	0,655	0,155	0,029	6,7	8,8	KPH
10	Kênh Cộng Hòa	Xã Phước Long	30	6,7	3	0	63,4	0,547	0,471	0,105	0,055	10,0	8,8	0,013
11	Kênh Lộ Xe	Xã Vĩnh Lộc	29,5	6,9	3	1	77,2	0,079	0,823	0,070	0,135	14,0	9,7	KPH
12	Kênh Hoàn Tầu	Xã Vĩnh Hậu	29	7,5	3	9	120,8	0,345	1,687	0,386	0,086	82,0	7,1	KPH

STT	Điểm quan trắc	Xã/ phường	Nhiệt độ (°C)	pH	DO (mg/L)	Độ mặn (‰)	Độ kiềm (mg/L)	N-NO ₂ ⁻ (mg/L)	N-NH ₄ ⁺ (mg/L)	P-PO ₄ ⁻ (mg/L)	N-NO ₃ ⁻ (mg/L)	TSS (mg/L)	COD (mg/L)	H ₂ S (mg/L)
13	Kênh Giồng Me	Phường Bạc Liêu	29	7	3,5	4	96,0	0,073	0,915	0,082	0,057	108,7	8,2	KPH
14	Kênh Xã Toàn	Xã Ninh Thạnh Lợi	29	7	3	0,5	73,3	0,230	1,548	0,061	0,049	36,7	8,3	0,017
15	Kênh 7	Xã Vĩnh Hậu	30	8	4	9	116,8	0,417	0,564	0,146	0,118	171,3	7,8	KPH